

PHP cơ bản phần 4

File Upload

- ❖ Để upload được file lên website thì form phải thỏa những điều kiện sau :
 - Method phải là **POST**
 - Form phải có phương thức
Enctype="multipart/form-data"
 - File upload tất cả sẽ được lưu trữ tại **\$_FILES**
 - **\$_FILE['file']['name']** : tên của file được upload, bao gồm cả đuôi mở rộng
 - **\$_FILE['file']['type']** : loại file được upload
 - **\$_FILE['file']['tmp_name']** : nơi lưu trữ tạm thời của file trên server , sẽ bị xóa khi hoàn thành
 - **\$_FILE['file']['error']** : lỗi xảy ra trong quá trình upload
 - **\$_FILE['file']['size']** : kích thước của file, được tính bằng giá trị kilobytes (kb)

File Upload

❖ Ví dụ:

```
<html>
  <head>
    <title> PHP cơ bản phần 4 </title>
    <meta charset="utf-8" />
  </head>
  <body>
    <?php
      if(isset($_POST['submit'])){
        //Lấy thông tin file
        $name= $_FILES['image']['name'];
        $tmp_name = $_FILES['image']['tmp_name'];

        //Lấy đường dẫn gốc của host
        $part_root = $_SERVER['DOCUMENT_ROOT'];
        //tạo đường dẫn đầy đủ để upload file
        $part_upload = $part_root. "/list_images/" . $name;
        //Thực hiện upload file lên host
        move_uploaded_file($tmp_name,$part_upload);
      }
    ?>
    <h1>Upload File</h1>
    <form action="" method="POST" enctype="multipart/form-data">
      <label> Avatar : </label>
      <input type="file" name="image" /> <br/>
      <input type="submit" name="submit" value="upload file"/>
    </form>
  </body>
</html>
```

Function

- ❖ **Function** là một tập hợp các đoạn code và nó sẽ thực thi các đoạn mã đó khi gọi hàm ra
- ❖ **Function** không tham số

```
<html>

<head>
|   <title>Writing PHP Function</title>
</head>

<body>
|
|   <?php
|       /* Defining a PHP Function */
|       function writeMessage() {
|           echo "You are really a nice person, Have a nice time!";
|       }
|
|       /* Calling a PHP Function */
|       writeMessage();
|   ?>
|
</body>
</html>
```

Function

❖ Function có tham số

```
<html>

<head>
    <title>Writing PHP Function with Parameters</title>
</head>

<body>

    <?php
        function getSum($num1, $num2) {
            $sum = $num1 + $num2;
            return $sum;
        }

        $sum = getSum(10, 20);
        echo $sum ; // 30
    ?>

</body>
</html>
```

Kỹ thuật Ajax trong PHP

- ❖ Ajax là một kỹ thuật viết tắt của chữ *AJAX = Asynchronous JavaScript and XML*, đây là một công nghệ giúp chúng ta tạo ra những Web động mà hoàn toàn không reload lại trang nên rất mượt và đẹp
- ❖ Ajax được viết bằng ngôn ngữ javascript nên sẽ chạy trên client
- ❖ Thư viện dùng ajax phổ biến hiện nay là jquery , angularjs ,

Kỹ thuật Ajax trong PHP

- ❖ Ví dụ: Tìm kiếm tên và in ra bảng

index.php

```
<html>
<head>
  <title>Ajax</title>
</head>

<body>
  <form id="searchForm" action="javascript:void(0)" method="POST">
    <label for="bar">Search name</label>
    <input id="search" name="search" type="text" value="" />

    <input type="submit" value="Search" />
  </form>
  <div id="result">
  </div>
  <script>
    $(document).ready(function({
      var search = document.getElementById('search').value;
      $.ajax({
        url: page.php,
        type: POST,
        data: {aSearch:search},
        success:function(response){
          $("#result").innerHTML = response;
        }
        error: function(jqXHR, textStatus, errorThrown) {
          console.log(textStatus, errorThrown);
        }
      });
    });
  </script>
</body>
</html>
```

Kỹ thuật Ajax trong PHP

page.php

```
<?php
$arName= array("Hồng"," Huệ " , "Cúc " , "Mai" , "Nam " , "Minh","Thanh","Tâm");
if(isset($_POST['asearch'])){
    $stt=0;
?>

<h1> Danh sách kết quả </h1>
<table>
    <tr>
        <th> STT </th>
        <th> Name </th>
    </tr>
    <?php
    foreach($arName as $name){
        if($_POST['asearch']==$name){
            $stt++;
        }
    }
    ?>
    <tr>
        <td><?= $stt ?> </td>
        <td><?= $name ?> </td>
    </tr>
    <?php
    }
    ?>
</table>
<?php
}
?>
```


Require – Include

- ❖ Lệnh **require**, **require_once**, **include** và **include_once** dùng để import một file PHP A vào một file PHP B với mục đích giúp file PHP B có thể sử dụng được các thư viện trong file PHP A.

```
1  require "/path.php";  
2  require_once "/path.php";  
3  include "/path.php";  
4  include_once "/path.php";
```

Require – Include

❖ Sự khác nhau của **require** và **include**:

Nếu khi import một file bằng lệnh **require** thì nếu chương trình bị lỗi thì lập tức trình biên dịch sẽ dừng và xuất ra thông báo lỗi. Còn nếu sử dụng lệnh **include** thì đó chỉ là một cảnh báo nên chương trình vẫn chạy cho đến cuối chương trình

```
1 // Import file import.php
2 require "require.php";
3 require "require.php";
4
5 // Sử dụng hàm show_message trong file import.php
6 show_message();
```

Lập tức sẽ bị thông báo lỗi như hình dưới đây.

(!) Fatal error: Cannot redeclare show_message() (previously declared in D:\WEB_SERVER_NEW\www\wordpress\php\require.php:3) in D:\WEB_SERVER_NEW\www\wordpress\php\require.php on line 6				
Call Stack				
#	Time	Memory	Function	Location
1	0.0006	334192	{main}()	..\index.php:0

Require – Include

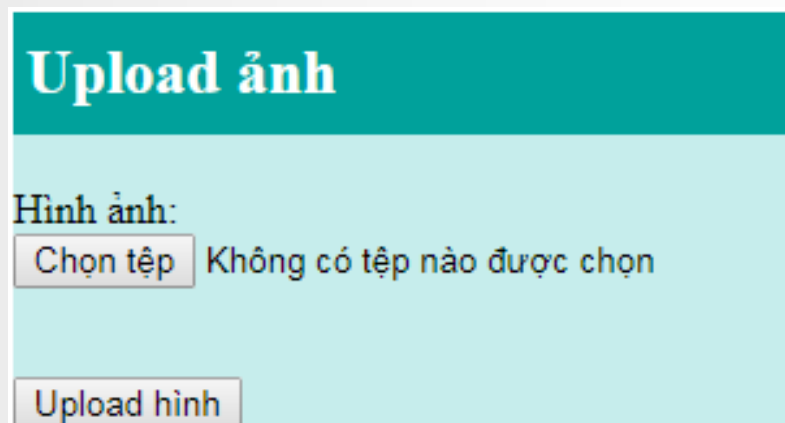
- ❖ Lệnh `require_once` và `include_once`: Lệnh này có chức năng giống lệnh `require` hay `include`, tuy nhiên điểm khác biệt đó là lệnh `require_once` hay `include_once` chỉ import đúng một lần, nghĩa là khi bạn sử dụng hai lệnh `require_once` (`include_once`) cùng một file thì ở lệnh `require_once` (`include_once`) thứ hai nó sẽ thấy là đã xử lý rồi nên nó sẽ không thực thi nữa.

```
1 // Import file import.php
2 require_once "/import.php";
3 require_once "/import.php";
4
5 // Sử dụng hàm show_message trong file import.php
6 show_message();
```

```
1 // Import file import.php
2 include "/import.php";
3
4 // Sử dụng hàm show_message trong file import.php
5 show_message();
```

Assignment

Bài 1 (50đ): Tạo form upload như hình sau



Upload ảnh

Hình ảnh:

Không có tệp nào được chọn

- Khi chọn hình và nhấn **Upload hình** thì hình ảnh được lưu vào thư mục **files**
- Khi chưa chọn hình mà bấm Upload hình thì hiển thị thông báo lỗi :
“ **Vui lòng chọn hình ảnh** “
- Đổi tên file khi upload lên , tên file theo cấu trúc :”mã sinh viên_time.phần mở rộng file” (Vd: FFSE1701001_1415783786.jpg), trong đó : time là thời gian lấy từ hệ thống (tính theo giây) tại thời điểm upload hình

Assignment

Bài 2 (50đ): Cho bảng sau

ID_SV	Ten_SV	AVG	CapChungNhan
FFSE1701001	Nguyễn Văn Bảo	95	1
FFSE1701002	Huỳnh Thị Thanh Thủy	85	0
FFSE1701003	Ngô Việt Anh	98	1
FFSE1701004	Nguyễn Thị Hương Lan	100	1

- a/ Tạo mảng arHocVien để lưu trữ các thông tin trên , với key mỗi phần tử là ID_SV
- b/ Hiển thị thông tin các học viên được cấp chứng nhận (CapChungNhan = 1) theo dạng bảng các dòng liên tiếp có màu khác nhau
- c/ Thêm vào mảng arHocVien thêm 2 sinh viên tùy ý
- d/ Xóa học viên có CapChungNhan bang 0 ra khỏi mảng
- d/ Hiển thị ra học viên có điểm trung bình cao nhất